

Số: 02/2026/QĐST-KDTM

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 30, Điều 48, khoản 3 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 293, Điều 299, khoản 3 Điều 307, Điều 317, Điều 318, khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 04/2025/TLST- KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N3

Địa chỉ: Số A, Trần Hữu D, khu đô thị M, phường T, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N3

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Phi N, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh N4.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh NHNo&PTNT Thiệu Hóa.

Đồng Bị đơn:

- Ông Ngô Tiến D1, sinh năm 1973. Số CCCD: 038073029948.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền cho D1: Ông Phạm Văn N1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Lô D, đường T, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D1: Ông Đoàn Bá N2, Luật sư, Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Địa chỉ: Lô D, đường T, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978. Số CCCD: 038178027179

Địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H1: Ông Đoàn Bá N2, Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: Lô D, đường T, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về xác nhận số tiền nợ: Tính đến ngày 09/01/2026 ông Ngô Tiến D1 và bà Nguyễn Thị H1 còn nợ Ngân hàng N3, Chi nhánh Thiệu Hóa số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc còn phải trả:	2.100.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn:	94.608.219 đồng.
- Nợ lãi quá hạn:	<u>25.504.148 đồng.</u>
Tổng cộng:	2.220.112.367 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm hai mươi triệu, một trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu bảy đồng.

Kể từ ngày 10/01/2026, ông Ngô Tiến D1 và bà Nguyễn Thị H1 còn phải tiếp tục trả thêm tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng cho vay số: 3525-LAV202402046 ngày 07/6/2024 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng (kèm theo hợp đồng tín dụng số 3525-LAV202402046 ngày 07/6/2024), Số: 01/HĐSD ngày 09/12/2024, cho đến khi thực tế trả hết nợ gốc và lãi, lãi phát sinh cho Ngân hàng N3, Chi nhánh N4.

- Về phương án trả nợ như sau: Chậm nhất ngày 10/4/2026, ông Ngô Tiến D1 và bà Nguyễn Thị H1 phải liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng N3 Chi nhánh N4 số tiền là 2.220.112.367đ (Hai tỷ, hai trăm hai mươi triệu, một trăm mười hai nghìn, ba trăm sáu bảy đồng) và tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 10/01/2026 của hợp đồng tín dụng cho vay số: 3525-LAV202402046 ngày 07/6/2024 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng (kèm theo hợp đồng tín

dụng số 3525-LAV202402046 ngày 07/6/2024), Số: 01/HĐSD ngày 09/12/2024, cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng N5 Chi nhánh N4.

- Về cam kết trả nợ: Trường hợp ông Ngô Tiến D1 và bà Nguyễn Thị H1 không thanh toán nợ đúng như cam kết thì đồng ý để cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 432-1, tờ bản đồ số: 14, địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa; diện tích: 617,5m². Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn: 617,5m²; Nhà ở: Thôn C, xã T, huyện T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa; trên thửa đất 432-1, tờ bản đồ số: 14, diện tích xây: 148,6m², diện tích sàn: 148,6m²; kết cấu: Bê tông cốt thép; nhà cấp 4, số tầng: 01, năm xây dựng 2019, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 678291. Số vào sổ cấp GCN: CH00151/2982/QĐ-UBND do UBND huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/7/2020; mang tên ông Ngô Tiến D1 và bà Nguyễn Thị H1. Xác lập theo Hợp đồng thế chấp số: 3525/36/36/2024/HĐBĐ ký ngày 06/6/2024, tại Văn phòng C, số nhà D, Quốc lộ D, khu phố B, thị trấn T (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa. Kèm theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp (số: 3525/36/36/2024/HĐBĐ ký ngày 06/6/2024) ngày 09/12/2024, để phía Ngân hàng thu hồi khoản nợ.

- Về chi phí xem xét thẩm định: Ông Ngô Tiến D1 và bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện chịu 4.569.000đ (Bốn triệu năm trăm sáu chín nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ) và sẽ có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 4.569.000đ (Bốn triệu năm trăm sáu chín nghìn đồng) cho Ngân hàng N3, Chi nhánh N4.

- Về án phí: Ông Ngô Tiến D1 và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 38.201.123đ (Ba tám triệu hai trăm linh một nghìn, một trăm hai ba đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng N3, Chi nhánh N4 số tiền 37.388.000đ (ba mươi bảy triệu ba trăm tám tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002023 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

“Kể từ ngày Bản án (Quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự”

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 9- Viện KSND tỉnh Thanh Hoá;
- Viện KSND Khu vực 3 (02 bản);
- Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng

